

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH
CỦA ĐƠN VỊ TRƯỜNG TH HẢI LONG NĂM 2025

I. Đánh giá chung

Tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng:

a) Về tổ chức bộ máy: Số phòng, ban, trường học trực thuộc của đơn vị; số tăng, giảm (nếu có); tình hình sắp xếp bộ máy của đơn vị.

- Tổng số đơn vị trường học : 1 trường

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng:

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm: 31 người (trong đó: số cán bộ, viên chức 31 người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên 0 người)

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cuối năm: 30 người (chi tiết như trên).

Nguyên nhân tăng, giảm cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của đơn vị; tình hình tinh giản cán bộ, viên chức.

Về thành lập, hoạt động của Hội đồng quản lý (nếu có).

c) Về thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Về thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (thu học phí) cấp mầm non và THCS theo Nghị quyết 17/2021/NQ- HĐND ngày 17/07/2021 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Nam Định

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ thường xuyên , chi không thường xuyên và các nhiệm vụ khác theo dự toán được giao trong năm 2025 của cấp mầm non, Tiểu học, THCS bao gồm tổ chức các hội thi cấp tỉnh, huyện, xã

2. Về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị

Đơn vị được cơ quan cấp trên giao quyền tự chủ tài chính là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc nhóm 4 theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị

a) Về các khoản thu sự nghiệp, thu phí, thu từ nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ:

- Khoản thu do nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cộng sử dụng NSNN thực hiện thu học phí chính khóa của cấp mầm non và THCS theo NQ 17/2021/NQ-10/2021/NQ- HĐND cụ thể :

- Thu khác (nếu có):Không có

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên (chi tiết theo phụ lục 6)

b.1) Nguồn thu sự nghiệp:

- Thu học phí :

b.2) Ngân sách cấp chi nhiệm vụ thường xuyên :

- Thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên theo dự toán giao của cấp có thẩm quyền, thực hiện chi thường xuyên các nội dung gồm lương, tiền công và các khoản đóng góp; các hoạt động từ nguồn thu sự nghiệp ; mua sắm , sửa chữa bảo dưỡng tài sản thường xuyên; các khoản chi thường xuyên khác như thanh toán tiền điện, tiền cước Internet, tiền nước, văn phòng phẩm, công tác phí ...

- Ngân sách cấp chi thường xuyên cụ thể :

+ Dự toán thu : 7.211,394 triệu đồng

+ Số thực hiện : 7.211,394 triệu đồng

c) Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ (theo số thực hiện):0 triệu đồng.

- Tình hình sử dụng các quỹ (chi tiết theo từng quỹ): Số dư đầu năm 0 triệu đồng; số trích trong năm:0 triệu đồng; số chi quỹ trong năm: 0 triệu đồng; số dư chuyển sang năm sau: 0 triệu đồng.

- Đơn vị nhóm 4 báo cáo tình hình sử dụng kinh phí tiết kiệm.Hiệu quả theo dự toán cầu cấp thẩm quyền giao và hoàn thành tốt các hoạt động của ngành.

d) Về chi trả thu nhập tăng thêm trong năm

- Tổng chi thu nhập tăng thêm của đơn vị: Không có

đ) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.

Các đơn vị đều đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của các cấp, các ngành.

Đảm bảo tiết kiệm chi thường xuyên một cách hợp lý nhất trên cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

e) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu.

Các đơn vị thực hiện tiết kiệm các chi phí nghiệp vụ chuyên môn như : Tiết kiệm tiền điện , tiền nước, tiền photo, tiền văn phòng phẩm và các khoản chi khác để đảm bảo chi tăng thu nhập cho tất cả VC- người lao động một cách công khai, minh bạch theo quy chế chi tiêu nội bộ đã được xây dựng và được thống nhất nội bộ trong đơn vị .

g) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn : không có

5. Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên

+ Dự toán thu : 616,494 triệu đồng

+ Số thực hiện : 606,971 triệu đồng

6. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân.

Đối với thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên không giao tự chủ không đạt tỷ lệ 100% nguyên nhân do số lượng học sinh giảm nên cho tiền vượt sĩ số ít hơn dự toán và đơn vị thực hành tiết kiệm từ các khoản chi.

7. Đề xuất, kiến nghị. Không

(Biểu báo cáo số liệu kèm theo phụ lục 6).

Hải Hậu, ngày 27 tháng 2 năm 2026

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

(Ký tên)



Lại Thị Khuyên

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Khuyên

UBND XÃ HẢI HẬU
TRƯỜNG TIỂU HỌC HẢI LONG

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH
NĂM 2025**

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
I	Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị	Người	31	30	
1	Số cán bộ, viên chức	Người	31	30	
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người			
II	Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp	Triệu đồng	6.157,444	6.157,444	
III	Nguồn tài chính	Triệu đồng	7.827,888	7.827,888	
A	<i>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên</i>		7.211,394	7.211,394	
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, gồm:				
1.1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ				
1.2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ khám chữa bệnh của người có thẻ BHYT theo quy định của cấp có thẩm quyền,...)				
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định (áp dụng đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập)				

3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định)				
4	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản thu của đơn vị (đối với đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên)		6.515,756	6.515,756	
5	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)				
6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)				
7	Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có)		695,638	695,638	
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)				
IV	Chi thường xuyên		7.211,394	7.127,425	
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương		6.157,444	6.157,444	

2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học				
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp		768,399	768,399	
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí				
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên		243,589	159,62	
6	Trích khấu hao tài sản cố định				
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)				
8	Chi trả lãi tiền vay				
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)		41,962	41,962	
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên				
V	Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = III-IV)				
	<i>(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)</i>				
1	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
2	Trích Quỹ bổ sung thu nhập				
3	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi				
4	Trích Quỹ khác (nếu có)				

	<i>(Đối với đơn vị nhóm 4, báo cáo về tình hình sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)</i>				
5	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	triệu đồng			
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	lần			
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
B	<i>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ</i>		616,494	616,494	
	(Chi tiết từng nguồn kinh phí)				
1	Nguồn thu		616,494	616,494	
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (chi tiết từng loại kinh phí)		441,533	441,533	
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên				
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật				
d	Nguồn khác		174,961	174,961	
2	Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ		606,971	606,971	
a	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng				
b	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp		39,129	39,129	
c	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên		89,706	89,706	
d	Chi thường xuyên		312,70	312,70	

e	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)		165,438	165,438	
IV	VỀ vay vốn, huy động vốn	Triệu đồng			
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng				
	Số vốn vay				
	Số đã trả nợ				
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức				
	Số vốn huy động				
	Số đã trả				

Hải Hậu, ngày 27 tháng 2 năm 2026

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký tên)

Lại Thị Khuyên

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Khuyên